

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-Ctr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 452/TTr-SNV ngày 29 tháng 7 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ Chỉ số cải cách hành chính) với các nội dung như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh.

### **2. Nội dung Bộ Chỉ số cải cách hành chính**

a) Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

b) Chỉ số cải cách hành chính Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

c) Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

### **3. Phương pháp đánh giá**

a) Tự đánh giá

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương được Hội đồng thẩm định Chỉ số cải cách hành chính thẩm định để xem xét công nhận hoặc điều chỉnh.

b) Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

- Việc đánh giá thông qua điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau và thực hiện theo Kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm.

- Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng theo nội dung các tiêu chí của Bộ chỉ số cải cách hành chính.

### **4. Xác định Chỉ số cải cách hành chính**

a) Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số cải cách hành chính được làm tròn tới chữ số thập phân thứ hai.

b) Đối với các cơ quan không thực hiện đánh giá một số tiêu chí thì Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa sau khi trừ điểm tối đa của các tiêu chí không đánh giá.

### **5. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính và phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính**

a) Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp theo khối cơ quan, đơn vị:

- Khối các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm

Căn cứ thang điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính để phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 85% trở lên;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70% đến dưới 85%;
- Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 55% đến dưới 70%;
- Không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 55%.

## **6. Thời gian thực hiện**

- Trước ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành công tác đánh giá, tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình và gửi kết quả về Sở Nội vụ. Đồng thời, Sở Nội vụ phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện điều tra xã hội học phục vụ công tác chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

- Trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp của năm đánh giá, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị được phân công tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả Chỉ số cải cách hành chính.

## **7. Tổ chức thực hiện**

### **a) Sở Nội vụ**

- Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện tự đánh giá kết quả sau khi Kế hoạch được ban hành.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố, tuyên truyền về Chỉ số cải cách hành chính trong Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số cải cách hành chính để đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình và yêu cầu công tác cải cách hành chính của tỉnh.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nội vụ theo dõi, hướng dẫn đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính đối với các lĩnh vực được phân công phụ trách.

c) Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Chịu trách nhiệm về các hồ sơ, tài liệu, kết quả tự đánh giá và nội dung kiến nghị, giải trình (nếu có).

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan trong việc điều tra xã

hội học để xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính được công bố để xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **8. Kinh phí thực hiện**

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Vụ Cải cách hành chính;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCD;
- Lưu: VT, KSTT<sup>(M)</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**